

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**THÀNH PHỐ SẦM SƠN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**TỈNH THANH HÓA**

Số: 44/2022/QĐST - VHNGĐ

*Sầm Sơn, ngày 02 tháng 11 năm 2022*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SẦM SƠN – TỈNH THANH HÓA**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213, Điều 361, Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 46/2022/TLST-VHNGĐ, ngày 11 tháng 10 năm 2022 về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và nuôi con khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh Nguyễn Đỗ D - sinh năm: 1986

Địa chỉ: Khu phố S, phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa

Chị Văn Thị N - sinh năm: 1988

Địa chỉ: Khu phố S, phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

1. Về hôn nhân: Anh D và chị N xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu nhưng không tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa vào năm 2020. Sau khi kết hôn anh, chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do cách sống, quan điểm, tính cách khác nhau không

thể hòa hợp, anh D, chị N cũng đã cố gắng để tình cảm vợ chồng tốt đẹp lên nhưng không thể được, nay anh, chị đều xét thấy có kéo dài thì cuộc sống của anh, chị cũng không có hạnh phúc nên anh, chị thống nhất thuận tình ly hôn. Xét thấy tình cảm vợ chồng của anh chị không đáp ứng được với quy định tại khoản 3 Điều 2 về nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân gia đình và Điều 19 về tình nghĩa vợ chồng của luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Việc thuận tình ly hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, vì vậy công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là phù hợp với quy định tại Điều 55 luật Hôn nhân gia đình 2014.

2. Về con chung: Anh, chị thống nhất vợ chồng có 1 con chung, cháu tên là Nguyễn Đỗ Trung Q - sinh ngày 19/01/2020. Ly hôn anh, chị thỏa thuận giao cháu Q cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

3. Về tài sản, công nợ chung: Anh, chị thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về lệ phí: Anh Nguyễn Đỗ D và chị Văn Thị N thuộc trường hợp phải nộp tiền lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án, nên anh, chị thỏa thuận chị N nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## **QUYẾT ĐỊNH**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đỗ D và chị Văn Thị N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đỗ Trung Q - sinh ngày 19/01/2020 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

2. Về lệ phí: Chị Văn Thị N nộp 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) tiền lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí

chị N đã nộp theo biên lai thu số: AA/2021/0013401, ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa (chị N đã nộp đủ tiền lệ phí).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- *Đương sự;*
- *VKSND TP Sầm Sơn;*
- *Chi cục THADS TP Sầm Sơn;*
- *UBND Phường T;*
- *Lưu hồ sơ vụ án./.*

**THẨM PHÁN**

*(đã ký)*

**Nguyễn Văn Hùng**